

Số: 106/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục**  
**Học viện Ngân hàng**

**HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

*Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-KĐCL ngày 24/6/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-KĐCL ngày 24/10/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Học viện Ngân hàng, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;*

*Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XIX ngày 12/11/2022 của Hội đồng,*

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngân hàng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngân hàng theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngân hàng cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức

năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Học viện Ngân hàng cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Học viện Ngân hàng.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Đinh Văn Toàn**

**Phụ lục I****KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
HỌC VIỆN NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: 106/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

| <b>Lĩnh vực/Tiêu chuẩn</b>                     | <b>Điểm trung bình</b> | <b>Lĩnh vực/Tiêu chuẩn</b>                              | <b>Điểm trung bình</b> |
|--|------------------------|---|------------------------|
| <b>Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược</b> | <b>3,99</b>            | <b>Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng</b> | <b>4,13</b>            |
| Tiêu chuẩn 1                                   | 4,00                   | Tiêu chuẩn 13   | 4,40                   |
| Tiêu chuẩn 2                                   | 4,00                   | Tiêu chuẩn 14   | 4,00                   |
| Tiêu chuẩn 3                                   | 4,00                   | Tiêu chuẩn 15   | 4,00                   |
| Tiêu chuẩn 4                                   | 3,50                   | Tiêu chuẩn 16   | 3,75                   |
| Tiêu chuẩn 5                                   | 4,00                   | Tiêu chuẩn 17   | 4,50                   |
| Tiêu chuẩn 6                                   | 4,14                   | Tiêu chuẩn 18   | 4,00                   |
| Tiêu chuẩn 7                                   | 4,00                   | Tiêu chuẩn 19   | 3,75                   |
| Tiêu chuẩn 8                                   | 4,25                   | Tiêu chuẩn 20   | 4,50                   |
| <b>Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống</b>   | <b>4,01</b>            | Tiêu chuẩn 21   | 4,25                   |
| Tiêu chuẩn 9                                   | 4,00                   | <b>Mục 4. Kết quả hoạt động</b>                         | <b>4,17</b>            |
| Tiêu chuẩn 10                                  | 4,50                   | Tiêu chuẩn 22   | 4,25                   |
| Tiêu chuẩn 11                                  | 3,75                   | Tiêu chuẩn 23   | 4,17                   |
| Tiêu chuẩn 12                                  | 3,80                   | Tiêu chuẩn 24   | 4,25                   |
|  |                        | Tiêu chuẩn 25   | 4,00                   |

**Phụ lục II**  
**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**  
**ĐỐI VỚI HỌC VIỆN NGÂN HÀNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 106/NQ-HĐKĐCL ngày 14 tháng 11 năm 2022  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Học viện Ngân hàng giai đoạn 2017-2021 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi được Nhà trường hoàn thiện và hướng tới trở thành trường đại học thông minh; phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội và quá trình chuyển đổi số quốc gia; hệ thống quản trị được thiết lập theo quy định của pháp luật, bước đầu có đủ bộ máy, công cụ quản trị và nhân sự chủ chốt; định hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2020 và 2021-2025 được chuyển tải thành các kế hoạch hành động cụ thể và có các chính sách hỗ trợ phù hợp; đội ngũ cán bộ, giảng viên được quy hoạch trẻ, có trình độ chuyên môn cao, năng lực nghiên cứu khoa học tốt; mối quan hệ hợp tác và mạng lưới các đối tác được xây dựng, phát triển khá đa dạng, nhất là mạng lưới hệ thống các ngân hàng trong nước và đạt nhiều hiệu quả; chính sách tài chính tuân thủ, chặt chẽ, các chỉ số tài chính được xác lập, giám sát và đảm bảo sự tăng trưởng bền vững; khuôn viên đại học được tối ưu hóa, thư viện cập nhật học liệu hiện đại và được đầu tư thích đáng hàng năm.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập theo phương thức quản trị chất lượng tổng thể TQM và vận hành khá hiệu quả; đội ngũ cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng; chiến lược đảm bảo chất lượng được cụ thể hóa thành các mục tiêu, chỉ số thực hiện chính và có các chính sách đảm bảo thực hiện thành công và được triển khai hàng năm; các hoạt động đánh giá cấp nhà trường và chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn quốc gia được triển khai; hoạt động đối sánh được quy định và triển khai thực hiện trong quá trình phát triển các chương trình đào tạo và tự đánh giá chất lượng nhà trường để hướng tới cải tiến liên tục chất lượng các hoạt động; các tồn tại được lập kế hoạch khắc phục, cải tiến; hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng và đã hỗ trợ khá kịp thời cho các cấp ra quyết định phù hợp.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh, chính sách, tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được thực hiện theo quy trình chặt chẽ và đạt hiệu quả; nội dung của các chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh phát triển đáp ứng nguyên lý đào tạo theo chuẩn đầu ra; các hoạt động dạy và học được thiết kế khá đa dạng, cơ bản thể hiện được mục tiêu và triết lý giáo dục của Học viện; các hoạt động kết nối doanh nghiệp, tổ chức thực hành thực tế và trao đổi học thuật, hỗ trợ người học khởi nghiệp và nghiên cứu khoa học bước đầu được chú trọng; công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể, được thực hiện đúng quy định; mục tiêu phát triển nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được chuyển thành các kế hoạch nhiệm vụ hàng năm và được đầu tư, giám sát đánh giá để khắc phục, cải tiến; mạng lưới kết nối và phát triển hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng được thiết lập theo chiều sâu và có hiệu quả.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo được triển khai; tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và trước hạn, tỷ lệ tốt nghiệp có việc làm và mức thu nhập có sự gia tăng; nghiên cứu khoa học có sự gắn kết với doanh nghiệp, kết quả công bố khoa học, nhất là công bố trên hệ thống Scopus tăng đáng kể và có công bố thuộc nhóm trích dẫn 1% trên thế giới; các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường được thực hiện tốt theo các quy định và duy trì được đà tăng trưởng ổn định.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Khái quát hóa sứ mệnh và tầm nhìn để xác định rõ hơn mô hình đại học, trong đó cần xác định việc xây dựng văn hoá đổi mới sáng tạo, đặc biệt đổi mới sáng tạo xã hội - những thay đổi cấu trúc văn hoá, chuẩn mực hoặc quy phạm của xã hội nhằm phát huy nguồn lực tập thể và cải thiện hiệu quả kinh tế - xã hội, là định hướng ưu tiên; quan tâm xác định đầy đủ nội hàm, mục tiêu và chỉ số đánh giá nhằm đầu tư đúng để thúc đẩy hiệu quả của chuyển đổi số, thậm chí nên có tham vọng xây dựng HVNH thành một METAVERSITY nhỏ, kết nối cả ba cơ sở Hà Nội, Phú Yên và Bắc Ninh.

2. Khẩn trương ban hành Chiến lược phát triển 2022-2030; xác định các thành phần cơ bản của hệ thống quản trị, chỉ bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng trường HVNH, các tổ chức đoàn thể và các Hội đồng tư vấn. Ban giám đốc Học viện và các đơn vị trực thuộc thuộc hệ thống lãnh đạo và quản lý; rà soát bộ máy và nhân sự chủ yếu, thực hiện quy trình bổ nhiệm cần đúng theo quy trình và quy định; tích cực chuẩn bị các điều kiện để triển khai mô hình đại học tự chủ.

3. Có kế hoạch nâng cấp các phân viện thành phân hiệu trong chiến lược phát triển giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045; có quy định định kỳ rà soát đánh giá tính hợp lý và hiệu quả của cơ cấu quản lý để có những điều chỉnh đảm bảo cơ cấu hành chính gọn nhẹ phù hợp với chủ trương cải cách hành chính và chuyển đổi số của Chính phủ; rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị để cập nhật phù hợp; xây dựng bộ công cụ riêng đánh giá năng lực cán bộ quản lý và sử dụng để đánh giá theo năm học hoặc giữa nhiệm kỳ; rà soát điều chỉnh cơ cấu lãnh đạo theo hướng giảm số lượng cán bộ hưởng phụ cấp trách nhiệm quản lý và tăng hiệu quả điều hành; định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng về năng lực lãnh đạo quản trị đại học tiên tiến cho cán bộ quản lý các cấp, nhất là với những cán bộ quản lý được bổ nhiệm lần đầu.

4. Quan tâm hơn đến công tác lập kế hoạch chiến lược phát triển để kế tiếp liên tục về thời gian; ban hành các văn bản về quy trình và nội dung chi tiết của các bước xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển, quy định về công tác triển khai, giám sát, sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện; hoàn thiện mục tiêu cụ thể của chiến lược, các chỉ số phân đầu bám sát vào tầm nhìn trong từng giai đoạn và có nhiều chỉ tiêu định lượng trên các lĩnh vực chủ yếu; ban hành kế hoạch phát triển thành phần trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH, đội ngũ, HTQT, tài chính và CSVC thể hiện rõ lộ trình đạt được các chỉ tiêu phân đầu theo năm học.

5. Ban hành hướng dẫn chi tiết về công tác xây dựng các chính sách trên các lĩnh vực hoạt động chủ yếu như đào tạo, NCKH, PVCĐ trên cơ sở lấy ý kiến góp ý rộng rãi của cán bộ, viên chức, người lao động để đảm bảo tính khả thi và sự đồng thuận cao, bám sát hơn yêu

cầu thực hiện các chỉ tiêu trong kế hoạch chiến lược phát triển; ban hành quy trình giám sát, quy định việc định kỳ rà soát, đánh giá tính hợp lý, kết quả thực hiện và tác động của các chính sách về đào tạo, NCKH, PVCĐ cũng như việc tuân thủ các chính sách, quy định quy chế của các cơ quan quản lý; định kỳ hằng năm có báo cáo kết quả giám sát, kiểm tra việc thực hiện, tính hợp pháp, hiệu quả, tác động của các chính sách.

6. Xây dựng kế hoạch cụ thể đánh giá nhu cầu nguồn nhân lực, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực dựa trên việc đánh giá nhu cầu các hoạt động và cần có các giải pháp đột phá để thu hút các chuyên gia đầu đàn, đầu ngành, gia tăng tỉ lệ GS, PGS; bổ sung các tiêu chí về tự do và chịu trách nhiệm học thuật trong các quy định, tiêu chuẩn về tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ và chế độ công tác đối với CB, GV và người lao động; xác định và tăng tỷ lệ ngân sách cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ; tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống KPIs đánh giá hiệu quả công việc của CBGV, NV; thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về công tác rà soát đối với các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, trên cơ sở đó sớm phát hiện những vấn đề chưa phù hợp để có kế hoạch rà soát, cải tiến phù hợp.

7. Chú trọng đầu tư cho nguồn lực cho NCKH, trong đó tăng nguồn thu từ tư vấn, chuyển giao công nghệ, HTQT...; tăng chi cho NCKH theo tinh thần Nghị định 99/2014 và đầu tư CSVC trên cơ sở nguồn lực của Học viện và nguồn xã hội hóa; sớm thực hiện các dự án nâng cấp CSVC tại Trụ sở chính và di chuyển địa điểm tại Phân viện Phú yên; tăng cường đầu tư cho CSVC hơn nữa, tương xứng với quy mô đào tạo, với tốc độ tăng nguồn thu; lập đề án chuyên đổi số, tăng cường ứng dụng CNTT vào hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ theo mô hình đại học thông minh để thực hiện được Chiến lược phát triển Học viện; xây dựng quy trình đánh giá hiệu quả các hạng mục đầu tư, mua sắm phục vụ hoạt động chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động này trong thời gian tới.

8. Phân tích nguồn lực nội tại để thực hiện các chỉ tiêu chiến lược chính; xây dựng chiến lược phát triển đối tác, phân loại các theo sứ mệnh, chức năng của trường đại học phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của Học viện như đối tác đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, chuyển giao tri thức, đổi mới sáng tạo, PVCĐ; có chính sách, đầu tư tập trung các đối tác chiến lược, thiết lập các hợp tác chặt chẽ về NCKH, các chương trình nghiên cứu quốc tế chuyên sâu, các đối tác thu hút SV quốc tế, các tổ chức; phân tích đánh giá các hoạt động đối ngoại theo tiêu chí phù hợp, có thể áp dụng theo 5 mức độ phát triển, bắt đầu từ các mô hình can dự truyền thống sang các cam kết chính thể bao gồm: i) nhận thức (awareness); ii) sự liên quan (involvement); iii) hỗ trợ (support); iv) bảo trợ (sponsorship) và v) đối tác chiến lược (strategy partner).

9. Xác định rõ và ban hành thống nhất chính sách BĐCLGD, chiến lược BĐCLGD cho giai đoạn mới gắn chặt với Chiến lược phát triển của Học viện; hiện thực hóa mô hình quản trị chất lượng tổng thể TQM và có hướng dẫn thực hiện (tham khảo ISO 21001 - 2018); rà soát, tích hợp các văn bản quy định về BĐCLGD; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức; soi chiếu chiến lược phát triển của Học viện, Khung ĐBCL ASEAN để xây dựng giám sát, đánh giá và liên tục cải tiến chất lượng các hoạt động và phát triển văn hóa chất lượng; phát huy vai trò của Hội đồng Học viện trong việc quyết định các chính sách, chiến lược BĐCLGD; tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn các hoạt động và có biện pháp thích hợp để thu hút các bên liên quan tham gia tích cực trong các hoạt động; tiếp

tục cải tiến quy trình xác lập các chỉ tiêu và chỉ số thực hiện chính về ĐBCL để thực hiện được đầy đủ các mục tiêu chiến lược và công tác ĐBCL; đầu tư hơn nữa cho nhân lực tham gia hệ thống ĐBCL bên trong đáp ứng được yêu cầu phát triển Học viện thành ĐH thông minh, và tầm nhìn 2030 đạt chuẩn KĐCLGD quốc tế.

10. Có phương án điều phối, bổ sung nhân lực, tăng cường năng lực chuyên môn cho các cán bộ chuyên trách ĐBCL; tiếp tục cải tiến quy trình tự đánh giá, ứng dụng mạnh mẽ CNTT, tổ chức rút kinh nghiệm để triển khai thực hiện TĐG các CTĐT theo kế hoạch. Các phát hiện qua TĐG và các khuyến nghị của Đoàn ĐGN cần được lựa chọn ưu tiên, tập trung để có biện pháp khắc phục, cải tiến phù hợp; các chỉ số ĐBCL cho các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ sau TĐG cần được giám sát, đối sánh đầy đủ và cải thiện để đạt được các mục tiêu chiến lược; phát huy vai trò của Hội đồng TĐG, Hội đồng ĐBCL trong việc tư vấn chính sách, tư vấn cải tiến chất lượng các hoạt động. Những thực hành ĐBCL tốt nhất cần được chia sẻ và lan tỏa trong các đơn vị để cùng xây dựng văn hóa chất lượng.

11. Có kế hoạch và thực hiện rà soát, phát triển đầy đủ hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong để hỗ trợ ra quyết định phù hợp cho các cấp quản lý (đặc biệt là các quyết định của Hội đồng Học viện và Ban Giám đốc); tăng cường hơn nữa việc rà soát, lập kế hoạch cải tiến và đánh giá hiệu quả của việc cải tiến về chính sách, quy trình của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong theo mô hình ĐBCL bên trong theo TQM, lưu ý tập trung các hoạt động giám sát, đánh giá, đối sánh các mặt hoạt động; tăng cường đầu tư nguồn lực và hỗ trợ CNTT cho việc khảo sát thu thập thông tin phản hồi đầy đủ từ các bên liên quan; xây dựng quy định, hướng dẫn và phổ biến đầy đủ cho các bên liên quan để hỗ trợ hiệu quả cho đào tạo, NCKH và PVCĐ; chú trọng đảm bảo an toàn cho dữ liệu, lưu giữ CSDL thông tin thuận lợi và tăng chỉ số về mức độ lan tỏa, ảnh hưởng của website và thông tin trực tuyến để góp phần gây dựng hình ảnh, tạo dựng thương hiệu của Học viện.

12. Đầu tư hơn nữa việc xây dựng các chính sách, hệ thống ĐBCL bên trong và nguồn lực để thực hiện các hoạt động nâng cao chất lượng trên tất cả các lĩnh vực hoạt động; xây dựng kế hoạch cải tiến kịp thời sau khi có kết quả KĐCL cơ sở giáo dục và CTĐT; kế hoạch ĐBCL của năm học cần cụ thể hơn có chỉ số phân đầu định lượng, giải pháp và nguồn lực tài chính để thực hiện; định kỳ rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn, đối sánh trong quá trình thực hiện để cải tiến chất lượng và hoàn thiện quy định về hoạt động đối sánh hiện có theo hướng cụ thể hơn và bổ sung thêm quy định về so chuẩn.

13. Tăng cường lấy ý kiến cựu người học, nhà SDLĐ ... về các hình thức tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh, về quy trình nhập học; nên xem xét trong kế hoạch chiến lược xây dựng một mô hình tuyển sinh đáng tin cậy và phổ quát để lựa chọn thí sinh tiềm năng, có chất lượng đầu vào cao, phù hợp với đặc thù, thế mạnh đào tạo của Học viện.

14. Có biện pháp thúc đẩy và giám sát các đơn vị quản lý CTĐT trong hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan, đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng phản hồi của cựu người học, nhà SDLĐ, tổ chức nghề nghiệp ... phục vụ các tác vụ so chuẩn và đối sánh khi xây dựng và phát triển CTĐT; tiếp tục tổ chức cải tiến các CTĐT và triển khai xây dựng ĐCHP của CTĐT Tiến sĩ; rà soát ĐCHP đảm bảo việc dạy - học - đánh giá theo CĐR học phần; tiếp tục tăng cường năng lực cho đội ngũ giảng viên trong xây dựng CTĐT, và đặc biệt cần tổ chức hiệu

quả công tác giám sát, thẩm định việc triển khai xây dựng CDR của tất cả CTĐT, tất cả đề cương học phần.

15. Xây dựng hướng dẫn chi tiết, tổ chức triển khai, hỗ trợ và giám sát các Khoa, giảng viên xây dựng bài giảng và triển khai các hoạt động dạy và học theo thiết kế CDR, phù hợp với triết lý giáo dục của HVNH; đánh giá hiệu quả của hoạt động dạy và học hướng đến đạt CDR của học phần, và CDR của CTĐT; có chiến lược quy hoạch, thu hút, bồi dưỡng nhằm đảm bảo đội ngũ giảng viên đủ số lượng và chất lượng thực hiện dạy học và nghiên cứu cho các học phần mới và CTĐT mở mới đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế của địa phương, quốc gia; xây dựng chính sách, hướng dẫn giảng viên thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy - học tập phù hợp với triết lý giáo dục và đáp ứng các CDR.

16. Nghiên cứu đánh giá một cách hệ thống mối quan hệ giữa chất lượng tuyển sinh đầu vào đến đánh giá quá trình và kết quả đánh giá CDR của CTĐT để rà soát, hoàn thiện tốt hơn nữa và ban hành hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp; tổ chức rà soát các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học về sự đáp ứng các tiêu chí quan trọng là độ chính xác, độ tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra của học phần, CDR CTĐT; thực hiện cải tiến các phương pháp kiểm tra đánh giá, phân tích kết quả đánh giá người học để làm căn cứ khoa học phục vụ cải tiến hoạt động đào tạo và xét tốt nghiệp; sớm xây dựng quy định, quy trình, biểu mẫu và tổ chức, tập huấn, triển khai đánh giá CDR học phần, lập báo cáo chất lượng học phần (phân tích và cải tiến), đo lường mức độ đạt chỉ báo, CDR của CTĐT.

17. Có các cơ chế khuyến khích những đơn vị, cá nhân trực tiếp phục vụ và hỗ trợ người học liên tục đổi mới sáng tạo, cải tiến năng suất, chất lượng và hiệu quả đầu ra của hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; chú trọng hình thành và duy trì môi trường rèn luyện lành mạnh để phát triển phẩm chất, nhân cách, kỹ năng cho người học thông qua các hoạt động tập thể; tăng cường công tác CVHT, phát triển công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm; cần chú trọng đến bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; biến đổi trong thị trường đào tạo theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực và cạnh tranh trong nước, quốc tế; biến đổi thị trường lao động với yêu cầu về nhân lực trình độ cao bao gồm trình độ tiếng Anh, CNTT và chuyên nghiệp, gắn doanh nghiệp với đào tạo và nghiên cứu phát triển KHCN và chuyển đổi số để tích hợp đưa vào nội dung các CTĐT và các hoạt động dạy học.

18. Thường xuyên rà soát, đánh giá có phân tích đối sánh kết quả đạt được để điều chỉnh, hoàn thiện các chỉ tiêu, chỉ số thực hiện chính trong kế hoạch phát triển KHCN nhằm đạt được mục tiêu trở thành “trung tâm NCKH, CGCN đa ngành, liên ngành, xuyên ngành với các nghiên cứu có tầm ảnh hưởng, có khả năng giải quyết các vấn đề lý thuyết và thực tiễn của nền kinh tế ...”; tăng cường chính sách đầu tư nhằm thu hút được đội ngũ các nhà khoa học, các chuyên gia đầu ngành để dẫn dắt các hoạt động KHCN; khai thác tốt mối quan hệ với các đối tác quốc tế, đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trong NCKH xứng tầm với nội lực và phát triển được các ngành mũi nhọn, tạo bản sắc riêng và trở thành trường phái khoa học; tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống quy định, đổi mới công tác quản trị, cập nhật dữ liệu và thông tin kịp thời để có những phân tích và đề xuất phù hợp nhằm không ngừng cải tiến, tăng hiệu quả của các chính sách đầu tư và các kết quả triển khai trong thực tiễn.



19. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý và bảo hộ các TSTT; tổ chức xây dựng và ban hành đầy đủ quy định, hướng dẫn về công tác SHTT, lưu ý cập nhật Nghị định số 22/2018/NĐ-CP của Chính phủ và tăng cường nhận thức cho CBGV và SV về công tác này; quan tâm việc số hóa TSTT nhằm tiện lợi cho công tác quản lý, tìm kiếm và tiếp cận thông tin; đầu tư xây dựng chiến lược tạo TSTT, chiến lược khai thác/ “ra thị trường” các TSTT; bổ sung thành các KPIs vào Chiến lược phát triển 2021-2030 và chuyển tải thành các nhiệm vụ hàng năm song song với việc đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương mại được nhằm tăng nguồn thu; chú trọng đến công tác đăng ký để được công nhận bản quyền tác giả, giải pháp hữu ích... đặc biệt trong bối cảnh Học viện đang tích cực thúc đẩy đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp.

20. Rà soát, cập nhật bộ tiêu chí đánh giá các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong NCKH, trong đó nhấn mạnh trọng số về tính hiệu quả hợp tác và sự thúc đẩy nâng cao chất lượng NCKH; chú trọng thúc đẩy các hoạt động hợp tác NCKH với đối tác là các trường/viện có thế mạnh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, theo định hướng có các sản phẩm NCKH là kết quả hợp tác NCKH giữa hai bên nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược của Học viện; có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút đội ngũ chuyên gia nước ngoài có uy tín chuyên môn cao, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài từ các trường ĐH hàng đầu Châu Á và thế giới trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; tăng cường năng lực cán bộ khoa học để cùng với các đối tác xây dựng được các đề tài, dự án hợp tác song phương, các đề tài nghị định thư để phát huy được nội lực, tiềm năng và nâng cao uy tín, thương hiệu của Học viện.

21. Phân công đơn vị/bộ phận, cá nhân chuyên trách hoạt động kết nối, PVCĐ; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để hoạt động trở thành một nhiệm vụ thường trực; có cơ chế khuyến khích vật chất, tinh thần và nhất là cơ hội phát triển đối với đội ngũ nhân sự của Học viện trong việc kết nối, PVCĐ có chất lượng và hiệu quả đối với cộng đồng trong và ngoài Học viện; mở rộng phạm vi cộng đồng trong và ngoài Học viện và mở rộng các phạm vi hoạt động, đặc biệt nghiên cứu áp dụng CNTT để xây dựng mạng kết nối, PVCĐ trực tuyến; nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn, tiêu chí để có thể nhanh chóng, kịp thời thu thập thông tin rà soát, đánh giá chính xác và hệ thống hoạt động, trong đó khuyến khích đề cao tiêu chí giới thiệu việc làm, tạo việc làm và phổ biến khoa học, công nghệ trong đánh giá và khen thưởng nhân sự của Học viện.

22. Phân tích nhu cầu thị trường trường lao động, phân tích tình hình việc làm (các phân khúc việc làm, loại hình việc làm, cơ hội tự tạo việc làm, khởi nghiệp, ...) để định hướng phát triển ngành, quy hoạch mô hình đào tạo, xây dựng chiến lược phát triển đào tạo; tăng cường số lượng và đa dạng đối tượng nhà sử dụng lao động được mời lấy ý kiến khi xây dựng, phát triển CTĐT; xây dựng quy trình và triển khai khảo sát việc làm đối với người học tốt nghiệp CTĐT sau đại học, chú ý sự dịch chuyển, thăng tiến việc làm của học viên cao học, nghiên cứu sinh sau tốt nghiệp; có bộ phận nghiên cứu, xây dựng mô hình đối sánh, đánh giá hiệu quả của sự đầu tư phục vụ mục tiêu phát triển chiến lược thông qua mô hình: Đầu vào - Quá trình - Đầu ra - Tác động.

23. Lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp và thường xuyên thực hiện đối sánh để xác lập mục tiêu, các chỉ số phân đầu nhằm đạt được sứ mạng và tầm nhìn đã xác định; nghiên cứu lựa chọn mô hình hoạt động KHCN, thiết lập văn hóa NCKH và thói quen NCKH; thúc đẩy các chương trình nghiên cứu tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương

mại hóa được; nghiên cứu phương án và có lộ trình xây dựng trung tâm chuyển giao tri thức và công nghệ (tri thức nước ngoài, tri thức trong nước, tri thức của trường). Đồng thời, cần tăng cường huy động mọi nguồn lực tài chính cho NCKH, trong đó có nguồn thu từ chuyển giao KHCN và đầu tư tương xứng cho các hoạt động; có các giải pháp tích cực, khẩn trương để tăng cường công tác tạo SHTT của Học viện và nhất là đăng ký các bản quyền tác giả, các công nhận quyền sở hữu...; xây dựng cơ sở dữ liệu mức độ hài lòng của các bên liên quan và đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của CB, GV và người học để làm cơ sở giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng các hoạt động.

24. Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá kết quả kết nối, PVCĐ đảm bảo góp phần đổi mới và phát triển Học viện, đổi mới và phát triển nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, đồng thời góp phần phát triển cộng đồng bao gồm cả xây dựng xã hội học tập; nghiên cứu áp dụng khoa học CNTT hiện đại trong thu thập dữ liệu kết nối, giám sát và đánh giá tác động và kết quả của hoạt động; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích bao gồm cả cơ chế khuyến khích đầu tư cho đổi mới sáng tạo và phát triển các hoạt động; truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ và hành vi đối với cộng đồng trong và ngoài Học viện về kết quả, tác động xã hội của hoạt động đối với cộng đồng và nhất là đối với vị thế, uy tín, thương hiệu của Học viện; thu hút, sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về lĩnh vực đánh giá tác động xã hội và lĩnh vực liên quan đến kết nối, PVCĐ để tăng cường chất lượng hoạt động này.

25. Điều chỉnh Chiến lược phát triển nhằm đa dạng hóa nguồn thu, chú trọng nhiều hơn đến nguồn lực từ KHCN; có các giải pháp đột phá nhằm tăng các nguồn thu trong đó có nguồn thu từ tư vấn, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, đào tạo ngắn hạn, từ các doanh nghiệp và địa phương; tăng chi cho NCKH theo tinh thần Nghị định 99/2014 và đầu tư CSVC trên cơ sở nguồn lực của Học viện và nguồn xã hội hóa trong nước và quốc tế; có văn bản quy định về thiết lập hệ thống giám sát tổng thể kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ và chú trọng công tác đối sánh, nhất là đối sánh với các trường trong khu vực, quốc tế để cải tiến các hoạt động của Học viện.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.

-----